

Số: /KH-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng 4 năm 2026

KẾ HOẠCH
Triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số”
trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh năm 2026

Thực hiện Kế hoạch số 08-KH/TU ngày 25/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (sau đây viết tắt là Phong trào);

Căn cứ Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh về việc triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 136/TTr-SKH-CN ngày 31/3/2026, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Phong trào năm 2026 với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tiếp tục đưa kỹ năng số, tri thức số đến từng cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và mọi tầng lớp Nhân dân trên địa bàn tỉnh, hình thành thói quen sử dụng công nghệ số một cách tự nhiên, an toàn và hiệu quả trong đời sống và công việc hàng ngày.

- Phát huy tối đa sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị trong việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức và hành động của các cơ quan, đơn vị, địa phương, các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh về vai trò, ý nghĩa của chuyên đổi số, công tác phổ cập kỹ năng số. Đặc biệt là sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương và hệ thống Tổ Công nghệ số cộng đồng (CNSCĐ) nhằm nâng cao hiệu quả công tác phổ cập kỹ năng số.

- Đảm bảo hoàn thành 100% các nhiệm vụ, đặc biệt là 05 chỉ tiêu năm 2026 theo Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh đã đề ra. Góp phần quan trọng nâng cao Chỉ số chuyển đổi số (DTI) và thực hiện thành công Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị.

2. Yêu cầu

- Cán bộ công chức, viên chức, đảng viên tiên phong, gương mẫu thực hiện Phong trào, góp phần lan tỏa tinh thần tự học, tự nâng cao tri thức, kỹ năng số, chuyên quá trình học tập, rèn luyện, nâng cao và ứng dụng tri thức số trở thành nhu cầu tự thân của mỗi người dân.

- Các hoạt động phải thiết thực, tránh hình thức, bám sát các văn bản chỉ đạo của các bộ, ngành Trung ương gắn với tình hình thực tế của tỉnh. Nội dung hướng

dẫn phải theo phương châm “Cầm tay chỉ việc - Dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm”, phù hợp với từng nhóm đối tượng.

- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng học tập trực tuyến, bảo đảm phương thức tiếp cận linh hoạt, phù hợp với mọi đối tượng, nhất là các nhóm yếu thế, người dân vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, công nhân KCN, người cao tuổi.

- Thường xuyên kiểm tra, đánh giá, bảo đảm hiệu quả thực chất. Kết quả của Phong trào phải được đo lường bằng sự thay đổi căn bản về năng lực số của người dân, thúc đẩy kinh tế số, xây dựng chính phủ số, xã hội số.

- Bảo đảm an ninh dữ liệu, an toàn thông tin trong suốt quá trình triển khai thực hiện Phong trào.

- Việc học tập, quán triệt và thực hiện Phong trào gắn với thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các văn bản của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

II. CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ NĂM 2026

1. 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong khu vực công trên địa bàn tỉnh có hiểu biết về chuyển đổi số, kiến thức và kỹ năng số, sử dụng tốt các nền tảng, dịch vụ số phục vụ công việc.

2. 100% học sinh từ cấp tiểu học trên địa bàn tỉnh được trang bị kiến thức, kỹ năng số để phục vụ học tập, nghiên cứu và sáng tạo, nhận biết được nguy cơ, có kỹ năng bảo đảm an toàn trong môi trường số.

3. 100% người dân trưởng thành trên địa bàn tỉnh có tri thức cơ bản về chuyển đổi số, có kỹ năng số, sử dụng tốt thiết bị thông minh để khai thác thông tin, sử dụng nền tảng, dịch vụ số thiết yếu, tham gia tương tác, an toàn trên môi trường số.

4. Có trên 80% người dân trên địa bàn tỉnh trong độ tuổi trưởng thành được xác nhận đạt phổ cập tri thức về chuyển đổi số, kỹ năng số trên nền tảng VNeID.

5. 100% người lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hợp tác xã trên địa bàn tỉnh có kiến thức về công nghệ số, có kỹ năng số, sử dụng tốt thiết bị thông minh để phục vụ sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất lao động.

(Có Phụ lục phân công cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm chủ trì thực hiện, theo dõi, đánh giá từng chỉ tiêu kèm theo)

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

Để hoàn thành các chỉ tiêu trên, các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường tập trung triển khai 06 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm:

1. Truyền thông và tuyên truyền

1.1. Tập trung tuyên truyền, hướng dẫn đăng ký, tham gia các khóa học trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOCs) “Bình dân học vụ số” theo từng

nhóm đối tượng¹. Tuyên truyền lợi ích của việc tích hợp tài khoản an sinh xã hội trên ứng dụng VNeID, nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia/Tỉnh, thanh toán không dùng tiền mặt, sử dụng chữ ký số cá nhân. Cảnh báo các thủ đoạn lừa đảo trên không gian mạng và hướng dẫn kỹ năng tự bảo vệ an toàn thông tin cá nhân.

1.2. Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh tăng cường thời lượng phát sóng, xây dựng các chuyên mục, phóng sự, tin bài trên các chuyên trang, chuyên mục, chương trình về Phong trào. Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền trên nền tảng số (mạng xã hội, các phần mềm chạy trên môi trường internet...) của cơ quan báo chí địa phương và các ngành; Sản xuất các tài liệu tuyên truyền trực quan (Infographic, Video clip ngắn) để chia sẻ rộng rãi trên các nhóm Zalo cộng đồng thôn/tổ dân phố; truyền thông sâu rộng trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Cổng thông tin điện tử các cấp, các ngành về chuyển đổi số và Phong trào.

1.3. Huy động những người có ảnh hưởng trong cộng đồng, Tổ công nghệ số cộng đồng, lực lượng Đoàn viên thanh niên tham gia truyền thông, lan tỏa Phong trào. Phổ biến đến từng hộ gia đình, người dân về mục đích, ý nghĩa của Phong trào. Tuyên truyền về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc làm chủ công nghệ số, kỹ năng số trong thời đại hiện nay.

1.4. Đảm bảo 100% Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Cổng thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương, Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh cung cấp đầy đủ các thông tin, chỉ đạo về Phong trào tới đông đảo Nhân dân với nhiều phương thức, hình thức khác nhau.

1.5. Tuyên truyền, triển khai theo kế hoạch², tạo điều kiện thuận lợi cho người dân thực hiện giải quyết thủ tục hành chính và các dịch vụ y tế, thanh toán điện tử được thuận tiện thông qua việc tích hợp chữ ký số trên ứng dụng VNeID.

1.6. Tổ chức tuyên truyền “Ngày hội toàn dân học tập số” vào ngày 10/10 (Ngày Chuyển đổi số tỉnh Bắc Ninh) gắn với các hoạt động trực tuyến và trực tiếp tại tỉnh như tổ chức các hội thảo, tọa đàm và hội nghị; trải nghiệm và hướng dẫn sử dụng các nền tảng, dịch vụ số, lớp học số cho cộng đồng.

2. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo và ban hành kế hoạch

2.1. Yêu cầu các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các xã, phường khẩn trương xây dựng Kế hoạch chi tiết triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” năm 2026 và Kế hoạch hoạt động của Tổ CNSCĐ năm 2026 phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đơn vị.

2.2. Nghiên cứu xây dựng dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ hoạt động cho Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

2.3. Xây dựng và cấu hình các biểu mẫu điện tử trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh để các đơn vị thực hiện báo cáo định kỳ thuận lợi, chính xác.

¹ Kế hoạch số 425/KH-CAT-CSQLHC ngày 21/01/2026 của Công an tỉnh Bắc Ninh.

² Kế hoạch liên ngành số 39/KH/LN ngày 11/2/2026 của Tỉnh đoàn, Công an tỉnh, Sở KH&CN, Sở GD&ĐT, VNPT Bắc Ninh, Viettel Bắc Ninh.

3. Triển khai các quy định, hướng dẫn của Trung ương về Phong trào

3.1. Tiếp tục tiếp nhận, cập nhật, triển khai Khung kỹ năng số do Trung ương ban hành kèm theo hướng dẫn đánh giá, xác nhận đạt trình độ phổ cập kỹ năng số cho bốn nhóm đối tượng: (1) Cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước; (2) Học sinh, sinh viên; (3) Người lao động trong các doanh nghiệp; (4) Người dân.

3.2. Cụ thể hóa hướng dẫn của Trung ương để ban hành hướng dẫn công tác khen thưởng tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp, cống hiến, đạt thành tích xuất sắc trong thực hiện Phong trào sát với thực tiễn của tỉnh.

3.3. Căn cứ quy định của Trung ương xây dựng văn bản cụ thể hóa chương trình phổ cập phù hợp với khung kỹ năng số của từng nhóm đối tượng phổ cập, tập trung vào nội dung cốt lõi, tăng cường thực hành, ứng dụng trong công việc và đời sống.

3.4. Triển khai các tài liệu, bài giảng theo quy định cho cả người dạy và người học, phù hợp để đưa lên các nền tảng trực tuyến, đáp ứng số lượng lớn người tham gia học tập.

3.5. Cụ thể hóa hướng dẫn của Trung ương để ban hành chính sách thu hút cộng đồng, doanh nghiệp công nghệ số, các tổ chức xã hội tích cực tham gia hiệu quả Phong trào.

4. Triển khai các quy định, hướng dẫn, chương trình, nền tảng số do các bộ, ngành Trung ương xây dựng

4.1. Khai thác và hướng dẫn công chức, viên chức, người lao động sử dụng hiệu quả nền tảng học trực tuyến mở đại trà quốc gia (MOOCs) “Bình dân học vụ số” để đào tạo, bồi dưỡng, phổ cập kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số cho mọi đối tượng trên địa bàn tỉnh.

4.2. Thực hiện và duy trì các dịch vụ, nền tảng số thuộc nhiều lĩnh vực, ngành nghề để công chức, viên chức, người lao động, người dân thực hành, sử dụng ngay trong quá trình rèn luyện kỹ năng số. Qua đó, người dân thấy được lợi ích và tích cực tham gia quá trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

4.3. Tiếp nhận, phát triển nền tảng trợ lý ảo (do Trung ương triển khai); để hỗ trợ học tập tri thức cơ bản về chuyển đổi số, phát triển kỹ năng số dựa trên công nghệ xử lý ngôn ngữ tự nhiên phù hợp với trình độ và nhu cầu của từng người dùng. Tiếp tục triển khai, cải thiện dịch vụ Trợ lý ảo hỗ trợ công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh nhằm phục vụ công việc hiệu quả.

5. Phổ cập tri thức về chuyển đổi số, kỹ năng số cho từng nhóm đối tượng

5.1. Cập nhật, nâng cao tri thức, phổ cập kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước.

- Xây dựng, hướng dẫn về việc tổ chức sinh hoạt chuyên đề về chuyển đổi số, kỹ năng số trong các cơ quan, đơn vị, địa phương; đặc biệt, lan tỏa các sinh hoạt chuyên đề trong các tổ chức, tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành

động của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong việc học tập, nâng cao nhận thức, phát triển kỹ năng số, thúc đẩy chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn để cập nhật, nâng cao trình độ về chuyển đổi số, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, phù hợp với tiến trình chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị. Khuyến khích công chức, viên chức tham gia các hoạt động tình nguyện “Bình dân học vụ số” vào các ngày cuối tuần cho người dân và doanh nghiệp.

- Lồng ghép, đưa nội dung chuyển đổi số, phát triển kỹ năng số vào các chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước theo quy định.

5.2. Giáo dục kỹ năng số cho học sinh, sinh viên

- Tích hợp giáo dục kỹ năng số cho học sinh, sinh viên trong chương trình giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học. Đặc biệt, coi trọng kỹ năng sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục và đào tạo.

- Triển khai Chương trình “Học từ làm việc thực tế”, bằng việc liên kết các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp để xây dựng chương trình đào tạo nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số theo yêu cầu thực tế và đặt hàng của doanh nghiệp.

- Đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, phát triển các mô hình giáo dục mới dựa trên công nghệ số và trí tuệ nhân tạo, tạo dựng môi trường để học sinh, sinh viên tiếp cận, hình thành kỹ năng số và hưởng lợi từ thành quả chuyển đổi số của ngành.

- Phát huy vai trò của học sinh, sinh viên trong hoạt động tình nguyện tham gia phổ cập kỹ năng số cho người dân, trước hết là người thân trong gia đình, những người có hoàn cảnh khó khăn, yếu thế, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

5.3. Phổ cập kỹ năng số cho người lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

- Tổ chức các lớp đào tạo kỹ năng số để công nhân và người lao động tại các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nắm vững xu hướng chuyển đổi số của đơn vị, ứng dụng công nghệ mới để nâng cao năng suất, hiệu quả lao động.

- Tổ chức các khóa đào tạo, hướng dẫn người lao động về cách sử dụng các công cụ và phần mềm quản lý sản xuất, vận hành máy móc tự động hóa, giám sát và kiểm tra chất lượng sản phẩm, các kiến thức, kỹ năng về thương mại điện tử.

5.4. Phổ cập kỹ năng số cho người dân

- Định kỳ hằng tuần, tổ chức các buổi học cộng đồng cho người dân trên địa bàn xã, phường (hoặc thôn, tổ dân phố). Tập trung vào các nội dung thiết thực, có thể áp dụng ngay, gắn với triển khai các đề án của Chính phủ, của tỉnh về chuyển đổi số. Khuyến khích người dân tham gia học tập kỹ năng số trên các nền tảng học trực tuyến mở đại trà.

- Các thôn, tổ dân phố phối hợp với Tổ công nghệ số cộng đồng, đoàn thanh

niên, doanh nghiệp công nghệ số, hội phụ nữ và các tổ chức xã hội nghề nghiệp cử hội viên có hiểu biết công nghệ hướng dẫn người dân, nhất là người cao tuổi, lao động phổ thông sử dụng các nền tảng, dịch vụ số theo hướng “cầm tay chỉ việc”.

- Tổ chức các lớp học “Bình dân học vụ số”, “học tập số” cho người cao tuổi về sử dụng Internet, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, nhất là an toàn số và chăm sóc sức khỏe trực tuyến.

- Tổ chức các lớp phổ cập công nghệ, kỹ năng số chuyên biệt cho người khuyết tật với chương trình giảng dạy phù hợp với khả năng và nhu cầu của từng nhóm. Duy trì và nâng cấp Cổng thông tin điện tử của các cấp, các ngành hỗ trợ người khuyết tật, bảo đảm giao diện thân thiện, tích hợp các công cụ hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận văn bản, âm thanh, dịch thuật,... theo tiêu chuẩn Việt Nam và Quốc tế.

- Hỗ trợ người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa tiếp cận, sử dụng dịch vụ, nền tảng số. Thực hiện đồng bộ các chính sách nhằm bảo đảm người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa có khả năng tiếp cận, sử dụng công nghệ số, thu hẹp khoảng cách số với thành thị.

6. Triển khai các mô hình, phong trào lan tỏa kỹ năng số cho cộng đồng

6.1. Mạng lưới “Đại sứ số”: Xây dựng mạng lưới “Đại sứ số” để phổ cập kỹ năng số cho cộng đồng qua mô hình Người hướng dẫn (mentor) - Người học (mentee). Mỗi “mentor” hướng dẫn kỹ năng số cho ít nhất 5 “mentee”. Mỗi phường, xã bố trí ít nhất một “Đại sứ số” (cán bộ chuyên trách hoặc tình nguyện viên) để tư vấn, hỗ trợ người dân tạo lập tài khoản Dịch vụ công quốc gia, sử dụng chữ ký số để nộp hồ sơ.

6.2. Phong trào “Gia đình số”: Vận động mỗi hộ gia đình cử ít nhất 01 thành viên trẻ tuổi, có khả năng tiếp thu công nghệ tham gia đào tạo chuyên sâu để trở thành “chuyên gia công nghệ” của gia đình, chịu trách nhiệm hướng dẫn lại cho ông bà, bố mẹ cách sử dụng smartphone, đọc báo điện tử, cảnh giác với tin giả.

6.3. Mô hình “Chợ số - Nông thôn số”: Đào tạo tiểu thương, nông dân và người dân khu vực nông thôn qua mô hình học tập 4T (Tiểu thương - Thương mại điện tử - Thanh toán không dùng tiền mặt - Tiết kiệm số), giúp người học nắm vững các kỹ năng, sử dụng công nghệ, nền tảng số trong công việc kinh doanh.

6.4. Mô hình “Mỗi công dân - Một danh tính số”: Bảo đảm 100% công dân từ 16 tuổi có danh tính số, hỗ trợ người dân cài đặt và sử dụng ứng dụng VNeID, tài khoản ngân hàng số.

6.5. Tổ chức thực hiện Mô hình “Tổ công nghệ số cộng đồng”: Phát huy cao độ vai trò, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh đã được thành lập trong triển khai thực hiện Phong trào với phương châm “đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người”, nhất là ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, những nơi có điều kiện khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số, bảo đảm mọi người dân đều được phổ cập kỹ năng cơ bản về chuyển đổi số.

Nghiên cứu, tổ chức triển khai, nhân rộng sáng kiến cải cách hành chính của địa phương và khen thưởng kịp thời.

6.6. Chiến dịch Thanh niên chung tay phổ cập kỹ năng số: Các cơ sở đoàn tại địa phương thực hiện chiến dịch thường xuyên theo chuyên đề riêng hoặc lồng ghép vào hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, Tổ thanh niên chuyển đổi số. Thanh niên tình nguyện tổ chức các lớp, nhóm hướng dẫn cho người dân cách thức cài đặt, sử dụng các phần mềm, ứng dụng, sản phẩm, dịch vụ số.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí triển khai thực hiện Phong trào được bố trí trong kinh phí thực hiện các chương trình, đề án đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt về chuyển đổi số; từ nguồn ngân sách của nhà nước theo quy định của pháp luật về phân cấp ngân sách; huy động từ các nguồn tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn tài trợ hợp pháp khác.

V. THỜI GIAN TỔ CHỨC

Các hoạt động truyền thông, phát động triển khai Phong trào được tổ chức thường xuyên, liên tục trong các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp, thôn, tổ dân phố trên toàn tỉnh.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại mục 1.6, 2.1, 2.2, 2.3, 4.3 phần III.

- Phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy, Công an tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị liên quan triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thực hiện Phong trào.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức triển khai Phong trào cho nhóm đối tượng trong khu vực công. Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp công nghệ số bảo đảm hạ tầng, đường truyền, kết nối Internet để thực hiện Phong trào.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai các hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Lồng ghép thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số” vào kế hoạch triển khai đề án, chương trình liên quan đến chuyển đổi số do Sở chủ trì.

- Đánh giá kết quả đạt được, hạn chế, yếu kém trong thực hiện Phong trào, đề tham mưu, đề xuất giải pháp, cách làm sáng tạo, hiệu quả, phù hợp thực tiễn và triển khai sâu rộng phong trào trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại mục 3.3, 3.4, 5.2 phần III.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai Phong trào, các cuộc vận động, phong trào thi đua dạy tốt, học tốt trong toàn ngành; quan tâm lựa chọn

và đưa nội dung chuyển đổi số vào chương trình giảng dạy, các hoạt động ngoại khóa ở các cấp học, bậc học.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp chú trọng nâng cao năng lực đào tạo về công nghệ thông tin, đẩy mạnh triển khai hoạt động quản lý, giảng dạy và học tập trên môi trường số.

- Lòng ghép thực hiện Phong trào vào kế hoạch triển khai đề án, chương trình liên quan đến chuyển đổi số do Sở chủ trì.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại mục 1.2 phần III.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ cập nhật các thông tin, tài liệu tuyên truyền theo hướng dẫn của Bộ, ngành trung ương về Phong trào; kịp thời chỉ đạo các cơ quan báo chí của tỉnh, hệ thống thông tin cơ sở, cổng thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị và nền tảng mạng xã hội làm tốt công tác tuyên truyền nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, địa phương và Nhân dân trong việc triển khai công tác phổ cập kỹ năng số cho người dân với tinh thần cách mạng, toàn dân, toàn diện; tuyên truyền kết quả, tiến độ triển khai thực hiện tại tỉnh Bắc Ninh.

- Lòng ghép thực hiện Phong trào vào kế hoạch triển khai đề án, chương trình liên quan đến chuyển đổi số do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì.

- Tổng hợp kết quả tổ chức thực hiện các hoạt động tuyên truyền hưởng ứng Phong trào

4. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại mục 3.2 phần III. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại mục 5.1 phần III

- Lòng ghép thực hiện Phong trào vào kế hoạch triển khai đề án, chương trình liên quan đến chuyển đổi số do Sở chủ trì.

5. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện nhiệm vụ 3.5 phần III; Trên cơ sở dự toán của các Sở, ngành và các địa phương xây dựng gửi đến, tổng hợp kinh phí thực hiện các nội dung của kế hoạch, báo cáo UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí đảm bảo theo quy định.

- Lòng ghép thực hiện Phong trào vào kế hoạch triển khai đề án, chương trình liên quan đến chuyển đổi số do Sở chủ trì.

6. Công an tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại mục 1.1, 6.4 phần III.

- Chủ trì thực hiện nhiệm vụ triển khai Phong trào trên nền tảng “Bình dân

học vụ số” tại địa chỉ <https://binhdanhocvuso.gov.vn> trên địa bàn tỉnh.

- Bảo đảm an toàn, an ninh mạng trong quá trình triển khai Phong trào.
- Lồng ghép thực hiện Phong trào vào kế hoạch triển khai đề án, chương trình liên quan đến chuyển đổi số do Công an tỉnh chủ trì.

7. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai nhiệm vụ, giải pháp có liên quan trong phần III.
- Lồng ghép thực hiện Phong trào vào kế hoạch triển khai đề án, chương trình liên quan đến chuyển đổi số do cơ quan, đơn vị chủ trì.
- Huy động sự tham gia của các tổ chức chính trị, xã hội, doanh nghiệp, cá nhân trong việc hỗ trợ kinh phí, cơ sở vật chất để thực hiện Phong trào.

8. Tỉnh đoàn Thanh niên

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại mục 1.5, 6.6 phần III.
- Chỉ đạo các cơ sở đoàn phối hợp với chính quyền địa phương, ban chỉ đạo chuyển đổi số cấp xã, tổ công nghệ số cộng đồng thực hiện các hoạt động, tổ chức ra quân phổ biến, hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, kỹ năng số, ứng dụng thiết bị công nghệ số vào cuộc sống hàng ngày.
- Trong chiến dịch Thanh niên tình nguyện hè phát động đợt cao điểm để phổ cập kỹ năng số, cách thức cài đặt, sử dụng các phần mềm, ứng dụng, sản phẩm, dịch vụ số bao gồm các hoạt động như: Mở lớp tập huấn, hỗ trợ người dân tại bộ phận một cửa các cấp, các hoạt động tuyên truyền... đặc biệt là phổ cập kỹ năng số phục vụ giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.
- Lồng ghép thực hiện Phong trào vào kế hoạch triển khai đề án, chương trình liên quan đến chuyển đổi số do Tỉnh đoàn chủ trì.

9. Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại mục 1, mục 5, mục 6 phần III.
- Tổ chức đưa tin, viết bài, sản xuất các chương trình, phóng sự, trao đổi, đối thoại, chuyên đề... nhằm tăng cường hoạt động truyền thông để hưởng ứng Phong trào phù hợp với mục đích, ý nghĩa, tinh thần cũng như chủ đề của Phong trào.
- Lồng ghép thực hiện Phong trào vào kế hoạch triển khai đề án, chương trình liên quan đến chuyển đổi số do đơn vị chủ trì.

10. UBND các xã, phường

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại mục 1, mục 2, mục 4, mục 5, mục 6 phần III.
- Xây dựng, lồng ghép thực hiện Phong trào vào kế hoạch triển khai đề án, chương trình liên quan đến chuyển đổi số do địa phương chủ trì.

- Nghiên cứu, xây dựng và triển khai thí điểm mô hình chuyển đổi số tại thôn/tổ dân phố phù hợp với đặc thù địa phương.

- Tổ chức tham quan, học tập và chủ động nhân rộng các mô hình “Thôn/Tổ dân phố số”, “Gia đình số”, “Chợ số” từ các xã, phường đã triển khai hiệu quả trên địa bàn tỉnh để tạo phong trào thi đua sôi nổi, thiết thực.

11. Các hội, hiệp hội công nghệ thông tin và các doanh nghiệp công nghệ số

- Hỗ trợ hạ tầng số và các nguồn lực về con người, tài chính; triển khai các chương trình, gói ưu đãi sử dụng sản phẩm, dịch vụ số cho người dân. Tham gia phát triển đa dạng các nền tảng số, phục vụ chính quyền, người dân trong tiến trình chuyển đổi số quốc gia.

- Xây dựng các khóa học, trực tiếp tổ chức các lớp học “Bình dân học vụ số” cho các nhóm đối tượng phù hợp với thể mạnh của hội, hiệp hội, doanh nghiệp công nghệ số. Điều động nhân sự tham gia đội ngũ giáo viên, tình nguyện viên triển khai Phong trào.

12. Chế độ thông tin, báo cáo

Thông tin, báo cáo định kỳ: Trên cơ sở nhiệm vụ được giao các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND cấp xã định kỳ báo cáo hằng tháng (*trước ngày 20*), quý (*trước ngày 15 của tháng cuối quý*), 6 tháng (*trước ngày 10 của tháng cuối quý II*), 01 năm (*trước ngày 10 của tháng 12 hằng năm*) về kết quả thực hiện Kế hoạch triển khai Phong trào với UBND tỉnh (*qua Sở Khoa học và Công nghệ*); Trong các tháng có báo cáo quý, 6 tháng, báo cáo năm các cơ quan, đơn vị, địa phương không cần gửi báo cáo tháng. Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Trung ương khi có yêu cầu (*Mẫu báo cáo theo Phụ lục II, III, IV, V, VI gửi kèm*).

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (*để b/c*);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Ban Chỉ đạo PTKHCN, ĐMST, CDS&ĐA06;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, cơ quan, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, KGVX, NC, TH;
- Lưu: VT, TTPVHCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Sơn

Phụ lục I
CHỈ TIÊU CỤ THỂ NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /4/2026 của UBND tỉnh)

TT	Chỉ tiêu cụ thể	Năm 2026	Cơ quan thực hiện chỉ tiêu	Cơ quan theo dõi, đánh giá, kiểm tra, tổng hợp báo cáo
1	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong khu vực công có hiểu biết về chuyển đổi số, kiến thức và kỹ năng số, sử dụng tốt các nền tảng, dịch vụ số phục vụ công việc.	100%	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Tỷ lệ học sinh từ cấp tiểu học trên địa bàn tỉnh được trang bị kiến thức, kỹ năng số để phục vụ học tập, nghiên cứu và sáng tạo, nhận biết được nguy cơ, có kỹ năng bảo đảm an toàn trong môi trường số.	100%	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Giáo dục và Đào tạo
3	Tỷ lệ người dân trưởng thành trên địa bàn tỉnh có tri thức cơ bản về chuyển đổi số, có kỹ năng số, sử dụng tốt thiết bị thông minh để khai thác thông tin, sử dụng nền tảng, dịch vụ số thiết yếu, tham gia tương tác, an toàn trên môi trường số.	100%	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ
4	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi trưởng thành trên địa bàn tỉnh được xác nhận đạt phổ cập tri thức về chuyển đổi số, kỹ năng số trên nền tảng VNeID.	\geq 80%	Các sở, ban, ngành, địa phương	Công an tỉnh
5	Tỷ lệ người lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hợp tác xã có kiến thức về công nghệ số, có kỹ năng số, sử dụng tốt thiết bị thông minh để phục vụ sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất lao động.	100%	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ